

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm ngay khi mở cửa. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy quanh 1,300 khá tốt, đẩy VN-Index lên đóng cửa tại mốc 1,332.51 điểm, tăng hơn 18 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, VN-Index sẽ tìm điểm cân bằng trong vùng 1,315 – 1,330. Vùng 1,330 – 1,340 là vùng kháng cự cứng, nhà đầu tư nên cẩn trọng trước áp lực chốt lời tại đây.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+18.05** điểm, đóng cửa tại **1332.51** điểm. HNX-Index **+3.09** điểm, đóng cửa tại **219.41** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+4.73)**, **GVR (+1.81)**, **VIC (+1.35)**, **BCM (+0.72)**, **CTG (+0.56)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.12)**, **STB (-0.11)**, **ACB (-0.10)**, **VRE (-0.08)**, **HPG (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,365** tỷ đồng, tăng **42.00%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,202 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 43.65 điểm. Thị trường có **253** mã tăng, 44 mã tham chiếu, **72** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-35.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (-92.90 tỷ)**, **VCG (-69.42 tỷ)**, **GEX (-56.66 tỷ)**, **HPG (-52.51 tỷ)**, **FPT (-39.65 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.88** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.30%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.83%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.46%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+3.20%)
- BSC50 **+2.73%**. Các mã diễn biến tích cực:
TNG (+9.52%) [\(Link báo cáo\)](#)
SZC (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCM (+6.94%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.30%	2.73%	1.37%	1.03%
1 tuần	0.40%	0.57%	2.79%	3.20%
1 tháng	6.30%	6.04%	8.40%	8.10%
3 tháng	26.51%	-4.34%	2.25%	4.65%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,332.51	219.41	96.73
% 1D	1.37%	1.43%	0.53%
GTKL (tỷ VND)	21,365	1,231	695
%1D	42.00%	26.26%	26.44%
GDNN (tỷ VND)	-35.03	-13.88	-10.74

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	150.64	VIX	-92.90
VSC	51.31	VCG	-69.42
DIG	38.87	GEX	-56.66
IMP	27.20	HPG	-52.51
VPB	26.23	FPT	-39.65

Thị trường thế giới

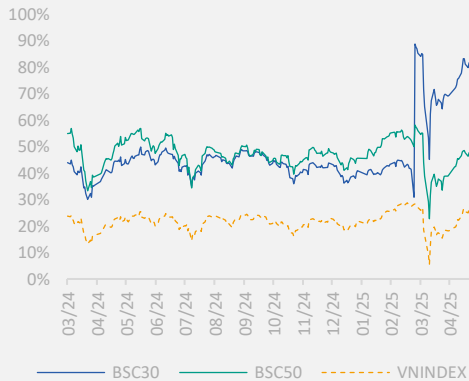
		%D	%W
SPX	5,803	-0.67%	-2.61%
FTSE100	8,718	-0.24%	0.38%
Eurostoxx	5,402	1.41%	-0.27%
Shanghai	3,347	-0.05%	-0.62%
Nikkei	37,532	1.00%	0.10%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.20	0.65%
Giá vàng	3,335	-0.92%
Tỷ giá		
USD/VND	26,100	-0.11%
EUR/VND	30,409	0.79%
JPY/VND	187	1.08%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.03%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

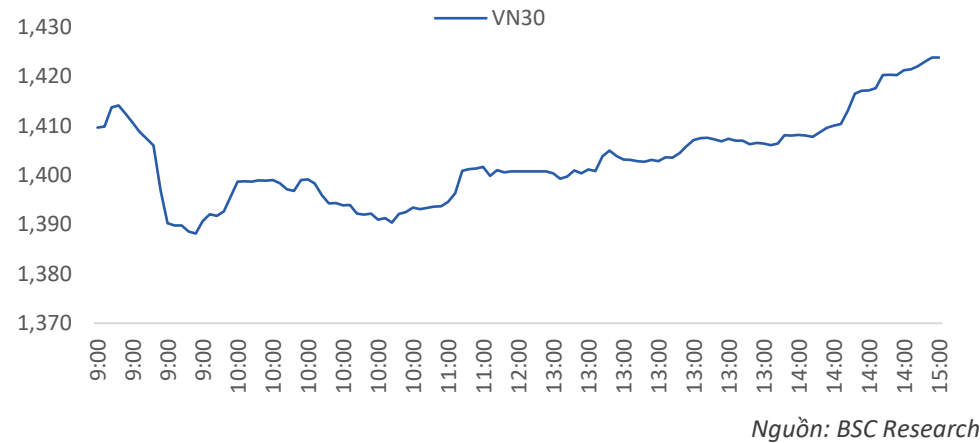
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1413.80	0.84%	195	282.4%	9/18/2025	115
VN30F2512	1411.10	0.66%	210	-44.3%	12/18/2025	206
41I1F7000	1415.90	0.70%	1,407	358.3%	7/17/2025	52
VN30F2506	1416.50	0.71%	262,615	68.5%	6/19/2025	24

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +14.45 điểm, đóng cửa tại 1423.85 điểm. Biên độ dao động 49.41 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, LPB, HDB, MSN tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản chạm ngưỡng MA20. Hợp đồng Long đang chiếm áp đảo so với Short (chênh gần 10k hợp đồng) cho thấy NĐT đang ủng hộ mạnh mẽ cho xu hướng tăng hiện tại.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2409	6/30/2025	35	30,400	-81.30%	2.89	350	25.0%	4.38	4.64	24.80	24.80
CVHM2411	6/30/2025	35	19,700	-63.05%	5.06	4,420	21.1%	13.69	27.16	73.50	73.50
CVHM2507	10/20/2025	147	176,600	-62.68%	5.33	4,420	18.8%	13.65	27.43	73.50	73.50
CVHM2505	7/21/2025	56	3,500	-61.77%	5.00	4,620	17.9%	13.71	28.10	73.50	73.50
CVHM2504	6/30/2025	35	31,400	-56.15%	4.45	13,890	17.6%	34.54	32.23	73.50	73.50
CVHM2506	9/19/2025	116	18,000	-61.55%	5.11	4,630	17.2%	13.69	28.26	73.50	73.50
CVHM2508	11/19/2025	177	50,800	-63.55%	5.44	4,270	17.0%	13.64	26.79	73.50	73.50
CVHM2509	12/19/2025	207	14,600	-63.99%	5.67	4,160	16.5%	13.60	26.47	73.50	73.50
CVHM2406	7/28/2025	63	76,400	-61.20%	5.00	5,880	16.4%	17.14	28.52	73.50	73.50
CVHM2502	10/27/2025	154	176,800	-53.61%	4.50	5,920	15.4%	13.82	34.10	73.50	73.50
CVHM2503	4/9/2026	318	30,900	-46.67%	4.20	5,000	13.9%	9.92	39.20	73.50	73.50
CHDB2501	6/30/2025	35	254,400	-87.52%	2.48	170	13.3%	10.07	2.82	22.60	22.60
CHDB2502	7/21/2025	56	460,700	-83.87%	2.44	300	11.1%	5.04	3.64	22.60	22.60
CVPB2407	7/28/2025	63	1,202,100	-86.01%	2.10	110	10.0%	4.02	2.54	18.15	18.15
CVNM2502	10/27/2025	154	20,200	-83.25%	6.55	560	9.8%	9.93	9.33	55.70	55.70
CVHM2409	8/14/2025	80	31,200	-53.88%	4.20	5,940	9.8%	13.87	33.90	73.50	73.50
CHDB2503	9/19/2025	116	694,500	-82.50%	2.56	350	9.4%	5.02	3.96	22.60	22.60
CMWG2407	11/4/2025	162	201,400	-82.45%	7.00	720	9.1%	9.61	11.32	64.50	64.50
CMWG2406	7/28/2025	63	224,800	-83.44%	6.60	1,020	8.5%	14.49	10.68	64.50	64.50
CFPT2502	10/27/2025	154	227,700	-83.29%	17.00	260	8.3%	10.06	19.60	117.30	117.30

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

•

Trong phiên giao dịch ngày 26/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

•

CMBB2409 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 25.00%. CMBB2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.54%.

•

CVIC2502, CVIC2405, CVIC2503, CVHM2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	73.50	6.83%	4.73	4.11
GVR	28.85	6.85%	1.81	4.00
VIC	94.50	1.61%	1.35	3.88
BCM	61.70	4.93%	0.72	1.04
CTG	39.25	1.16%	0.56	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	42.00	6.60%	0.57	0.33
PVS	26.90	3.46%	0.28	0.48
VCS	49.10	4.47%	0.22	0.16
CEO	13.30	4.72%	0.21	0.54
MBS	26.90	1.89%	0.18	0.57

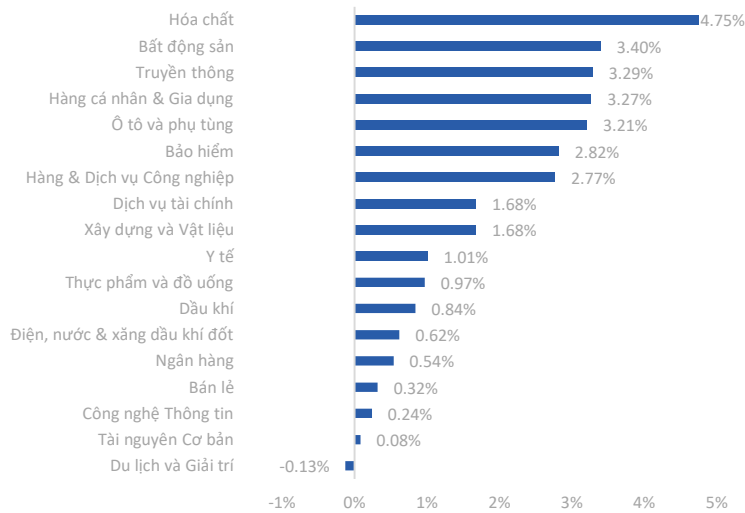
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTG	41.30	6.99%	0.02	0.13
FMC	37.60	6.97%	0.04	0.34
SZC	35.30	6.97%	0.10	5.11
TLG	52.20	6.97%	0.07	0.84
PHR	48.45	6.95%	0.10	1.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KHS	25.60	9.87%	0.11	0.07
DST	6.90	9.52%	0.08	0.61
TNG	18.40	9.52%	0.80	1.94
SDN	24.60	9.33%	0.03	0.00
BTW	41.10	9.02%	0.13	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	90.00	-0.33%	-0.12	1.79
STB	41.55	-0.60%	-0.11	1.89
ACB	21.50	-0.46%	-0.10	4.47
VRE	25.50	-0.58%	-0.08	2.27
HPG	25.55	-0.20%	-0.07	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	18.50	-5.61%	-0.09	0.14
VIF	16.80	-1.75%	-0.06	0.35
VFS	24.80	-2.75%	-0.05	0.13
HGM	292.00	-1.08%	-0.02	0.01
GLT	32.70	-9.92%	-0.02	0.01

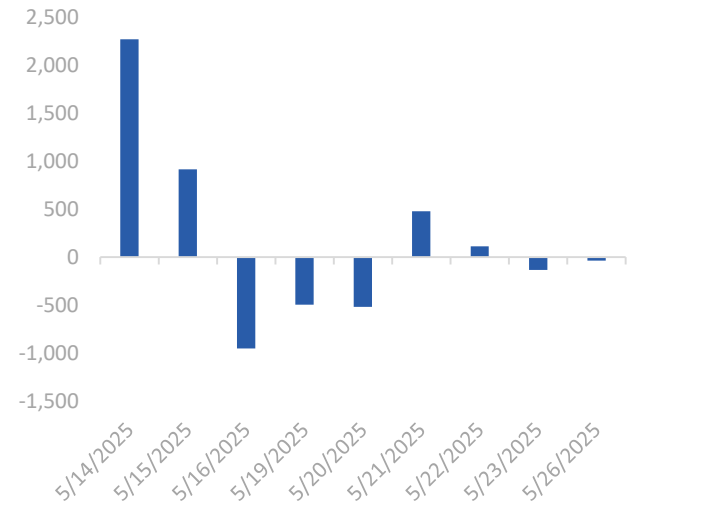
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TIX	35.00	-6.04%	-0.01	0.00
SC5	16.65	-5.93%	0.00	0.00
TCD	2.00	-4.76%	-0.01	2.75
TDP	33.30	-4.72%	-0.03	0.08
VNE	6.44	-4.45%	-0.01	1.47

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TBX	15.40	-9.94%	-0.01	0.00
GLT	32.70	-9.92%	-0.11	0.00
PPE	13.80	-9.80%	-0.01	0.00
SDC	7.50	-9.64%	-0.01	0.00
VMS	19.00	-9.09%	-0.06	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.5	0.5%	1.4	94,948	495.6	2,981	21.5		48.0%	
KBC	Bất động sản	27.3	3.0%	1.3	20,342	324.2	1,629	16.3		17.1%	
KDH	Bất động sản	29.1	3.2%	1.3	28,464	81.2	896	31.4		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.5	2.5%	1.6	14,606	133.6	180	89.3	23,600	11.1%	Link
VHM	Bất động sản	73.5	6.8%	1.0	282,590	828.6	7,766	8.9	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	117.3	0.2%	0.8	173,464	551.2	5,616	20.9	163,000	41.2%	Link
BSR	Dầu khí	17.6	0.3%	0.0	54,414	40.6	(37)	-477.4		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.9	3.5%	1.4	12,427	98.8	2,303	11.3	40,300	15.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.7	2.2%	1.4	18,107	237.8	1,394	18.1		39.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.6	1.1%	1.2	45,810	489.0	1,546	15.1		34.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	2.1%	1.4	26,031	281.4	1,602	22.6		30.4%	
DCM	Hóa chất	34.8	0.9%	1.4	18,238	117.2	2,805	12.3	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	90.0	2.5%	1.5	33,345	146.6	8,224	10.7	108,500	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	21.5	-0.5%	0.9	110,952	213.1	3,224	6.7	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	0.0%	1.0	251,716	89.3	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.3	1.2%	1.2	208,356	295.8	4,806	8.1	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	22.6	2.3%	1.1	77,241	498.9	3,985	5.6		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.8	0.6%	1.0	150,421	507.3	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	0.4%	1.1	30,160	101.1	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.6	-0.6%	1.0	78,802	427.3	5,767	7.3		21.3%	
TCB	Ngân hàng	30.4	0.7%	1.1	213,005	995.0	3,013	10.0	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	0.8%	1.1	35,006	119.8	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.0	0.4%	0.8	474,602	285.5	4,063	14.0		22.2%	
VIB	Ngân hàng	18.3	0.3%	1.0	54,220	80.0	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	0.3%	0.9	143,604	441.7	2,030	8.9	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	-0.2%	1.3	163,744	696.3	1,954	13.1	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	0.9%	1.5	10,091	90.2	749	21.7	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.5	2.2%	1.5	9,337	247.8	3,930	7.1	32,200	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.8	1.0%	1.3	90,904	826.3	1,518	41.6		24.8%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.7	0.7%	0.7	115,575	151.2	4,194	13.2		48.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.5	1.56%	1.5	7,013	30.2	2,098	15.3	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	162.2	-0.67%	0.9	22,248	73.7	3,279	49.8	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	51.4	3.52%	1.2	36,856	64.4	2,975	16.7	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.2	3.53%	1.6	9,514	302.9	321	48.6	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	17.4	3.88%	1.6	14,587	365.9	372	45.0	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.3	2.19%	1.4	4,066	75.4	436	52.3	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.2	-0.57%	1.4	8,862	91.4	839	31.4	19.9%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.0	6.60%	1.4	13,002	120.3	4,982	7.9	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	35.5	2.45%	1.5	13,343	110.6	1,827	19.0	42.3%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.0	5.99%	0.0	13,706	43.8	6,076	10.7	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.3	6.97%	1.2	5,940	173.6	2,036	16.2	2.2%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.9	5.57%	1.4	12,596	286.9	1,279	14.7	9.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	94.5	1.61%	1.0	355,601	442.8	2,823	33.0	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.5	-0.58%	0.9	58,285	220.8	1,844	13.9	18.7%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.8	1.20%	1.3	7,057	30.9	1,654	20.2	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.7	1.02%	1.1	43,645	37.9	1,535	22.4	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.6	3.06%	1.3	10,006	114.5	1,246	14.5	7.5%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.0	5.12%	1.5	11,509	196.3	1,650	20.7	27.7%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	1.89%	1.6	15,121	95.8	1,650	16.0	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	0.00%	1.1	147,588	39.6	4,543	13.9	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	1.12%	1.3	31,264	146.8	546	24.4	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.9	2.13%	0.8	33,159	48.6	4,511	15.6	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.8	0.00%	0.7	47,553	50.1	2,783	31.6	12.3%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.1	4.15%	1.5	30,411	473.5	1,954	17.3	9.0%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.7	4.50%	1.2	22,396	217.1	3,797	14.0	39.6%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78.9	-0.13%	1.3	10,262	89.0	5,594	14.1	11.7%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.1	2.08%	1.2	7,690	48.5	3,026	7.1	10.6%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.3	2.11%	0.0	13,274	68.9	3,235	33.7	6.1%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.5	1.90%	1.2	26,695	58.8	6,105	12.9	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.4	6.94%	1.0	3,081	123.4	2,869	10.5	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	9.52%	1.6	2,060	34.4	2,580	6.5	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.3	2.08%	1.2	13,149	97.3	1,223	27.5	8.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.9	6.85%	1.4	108,000	207.9	1,174	23.0	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	21.9	2.34%	1.1	39,862	334.5	1,856	11.5	4.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.5	1.72%	0.5	95,444	80.7	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.5	-0.29%	0.0	24,020	27.8	2,809	6.2	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	1.40%	1.0	26,384	35.1	1,189	9.0	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.9	1.98%	1.5	5,639	99.0	1,122	11.2	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.9	6.73%	1.5	3,954	60.6	612	24.3	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.5	0.85%	0.7	10,686	158.6	1,430	24.6	2.9%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.00%	0.7	63,423	38.7	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.2	6.84%	1.3	11,806	136.4	5,567	9.5	22.5%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.7	-0.07%	0.9	11,690	32.8	13,288	10.8	85.9%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.8	2.05%	1.5	7,815	105.3	3,238	24.2	47.8%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.9	2.09%	1.3	10,409	40.1	4,754	19.1	8.7%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	65.6	5.98%	1.6	3,900	113.3	3,738	16.6	8.4%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.41%	1.4	5,756	88.7	1,097	11.1	7.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	2.71%	1.2	7,922	60.0	1,237	17.9	16.6%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.0	-0.43%	1.3	13,798	423.5	988	23.3	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.0	4.53%	1.4	19,301	52.7	2,720	15.8	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>